

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kì II năm học 2023 - 2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của chính phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HDND ngày 16/07/2021 quy định chính sách trợ cấp giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021;

Thực hiện Công văn số 241/PGDĐT, ngày 04/03/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí hướng dẫn về việc Nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt danh sách học sinh hỗ trợ các chế độ chính sách học kỳ II năm học 2023 - 2024.

Hôm nay, vào hồi 10h30' ngày 18/03/2023, Trường THCS Phương Nam tổ chức niêm yết công khai **danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kì II năm học 2023 - 2024.**

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, GV, NV 41/41 người;
- Chủ trì: Trần Ngọc Hưng - Chức vụ: Hiệu trưởng;
- Đại diện công đoàn trường: Nguyễn Thị Hương - Chức vụ: CT Công đoàn.
- Đại diện Ban thanh tra: Trịnh Thị Thu Huệ - Chức vụ: Trưởng ban
- Người ghi biên bản: Trần Thị Tuyết Nhung - Chức vụ: Kế toán

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai **danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kì II năm học 2023 - 2024** của trường THCS Phương Nam.

2.2. Thời gian niêm yết: kể từ ngày 18/03/2024 đến hết ngày 25/03/2024.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông báo trường THCS Phương Nam phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai **danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kì II năm học 2023 - 2024** của trường THCS Phương Nam, đề nghị gửi kiến nghị về trường THCS Phương Nam (qua đ/c Trịnh Thị Thu Huệ - Trưởng ban thanh tra trường, SĐT: 0988393607) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường THCS Phương Nam thực hiện việc bảo đảm an toàn tình hình công khai **danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính**

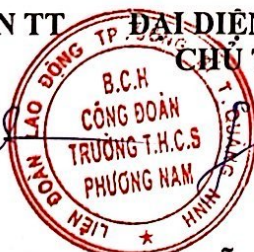
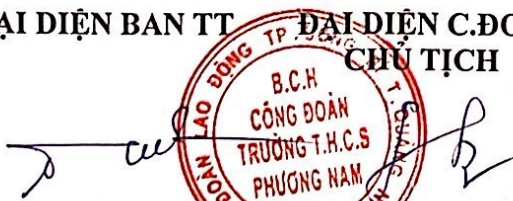
sách học kì II năm học 2023 - 2024 của trường THCS Phương Nam từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 11h 00 ngày 18/03/2024. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán/.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN ĐẠI DIỆN BAN TT ĐẠI DIỆN C.ĐOÀN
CHỦ TỊCH

CHỦ TRÌ
HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tuyết Nhung Trịnh T Thu Huệ Nguyễn Thị Hương Trần Ngọc Hưng

Tên đơn vị : Trường THCS
Phương Nam

Số: 48 /QĐ-THCSPN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phương Nam, ngày 18 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kỳ II năm học 2023 - 2024.

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của chính phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HDND ngày 16/07/2021 quy định chính sách trợ cấp giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021;

Thực hiện Công văn số 241/PGDĐT, ngày 04/03/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí hướng dẫn về việc Nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt danh sách học sinh hỗ trợ các chế độ chính sách học kỳ II năm học 2023 - 2024.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán - Tổ Văn phòng trường THCS Phương Nam

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kỳ II năm học 2023 - 2024 của Trường THCS Phương Nam (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận chuyên môn, Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Ngọc Hưng

Đơn vị: Trường THCS Phương Nam

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC PHÍ

Hỗ trợ học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ và Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh học kỳ I năm học 2023 - 2024

(Kèm theo tờ trình số: 13/TT-Tr-THCSPN ngày 16/03/2024 của trường THCS Phương Nam thành phố Uông Bí)

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đổi tương đương chính sách		Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
I	Đổi tương miễn 100%							10.500.000	
1	Trần Thị Thùy	2012	6A1		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	60.000	5	300.000	
2	Đặng Thị Mai Lan	2012	6A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
3	Lê Thị Thanh Thảo	2012	6A3	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
4	Vũ Chí Thiện	2012	6A3		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
5	Đinh Thanh Hà	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
6	Vũ Bảo Ngọc	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
7	Bùi Thị Hà Thắm	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
8	Phạm Tuấn Kiệt	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
9	Nguyễn Đức Nam Khánh	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
10	Đông Thuận	2012	6A5		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	60.000	5	300.000	
11	Nguyễn Đức Hùng	2012	6A5		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
12	Đinh Văn Mạnh	2011	6A5		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	



TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
13	Vũ Hoàng Nhật Long	2012	6A7	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		60.000	5	300.000	
14	Nguyễn Thị Hậu	2011	7A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
15	Nguyễn Ngô Bảo Thi	2011	7A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
16	Bùi Đức Trí	2011	7A3		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
17	Vũ Thị Thanh Hiền	2011	7A3		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
18	Nguyễn Văn Hưng	2011	7A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
19	Nguyễn Công Toàn	2011	7A4	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
20	Vương Anh Duy	2011	7A5		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
21	Phạm Huy Hoàng	2011	7A5	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
22	Ngô Minh Hải	2011	7A6		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
23	Dương Doanh Doanh	2011	7A6		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	60.000	5	300.000	
24	Nguyễn Vũ Long	2010	8A1		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	60.000	5	300.000	
25	Vũ Việt Hoàng	2010	8A2	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
26	Nguyễn Thị Thu Hoài	2010	8A2	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
27	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2010	8A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
28	Bùi Lê Thảo Phương	2010	8A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
29	Nông Thị Kim Ngân	2010	8A4		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	60.000	5	300.000	

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
30	Bùi Xuân Trường	2010	8A4		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	60.000	5	300.000	
31	Vũ Văn Xuân	2009	9A2	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
32	Nguyễn Đức Dương	2009	9A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
33	Dương Văn Long	2009	9A3	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
34	Đoàn Thị Lan	2009	9A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	60.000	5	300.000	
35	Vũ Thị Loan	2009	9A4	Khuyết tật (Điều 15 khoản 2)		60.000	5	300.000	
II	Đối tượng giảm học phí 50%							1.350.000	
1	Lê Bá Huy	2012	6A1	Bố tai nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	
2	Nguyễn Thị Vân Nhi	2012	6A4	Bố tai nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	
3	Vũ Thị Ngọc Anh	2012	6A4	Bố tai nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	
4	Đinh Anh Thư	2012	6A7	Bố tai nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	
5	Nguyễn Khương Duy	2011	7A2	Bố tai nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	
6	Ninh Vi Nguyễn	2011	7A3	Hộ cận nghèo (Điều 16 khoản 2 mục b)		30.000	5	150.000	
7	Phạm Hoàng Nam	2010	8A1	Bố tai nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
8	Đặng Thị Quỳnh Chi	2009	9A3	Bố tại nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	
9	Hoa Anh Thái	2009	9A4	Bố tại nạn lao động được trợ cấp TX (Điều 16 khoản 2 mục a)		30.000	5	150.000	
Tổng cộng : 44 Học sinh				18	26			11.850.000	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Tuyết Nhung

Ngày 16 tháng 03 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỜNG NAM PHƯỚC
 TRẦN NGỌC HƯNG

Đơn vị: Trường THCS Phương Nam

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/ 2023 của Chính Phủ và Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh học kỳ II năm học 2023 - 2024

(Kèm theo tờ trình số: 13/TT-THCSPN ngày 16/03/2024 của trường THCS Phương Nam thành phố Uông Bí)

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
1	Trần Thị Thùy	2012	6A1		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	150.000	5	750.000	
2	Đặng Thị Mai Lan	2012	6A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
3	Lê Thị Thanh Thảo	2012	6A3	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
4	Vũ Chí Thiện	2012	6A3		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
5	Đinh Thanh Hà	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
6	Vũ Bảo Ngọc	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
7	Bùi Thị Hà Thắm	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
8	Phạm Tuấn Kiệt	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
9	Nguyễn Đức Nam Khánh	2012	6A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
10	Đông Thuận	2012	6A5		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	150.000	5	750.000	
11	Nguyễn Đức Hùng	2012	6A5		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
12	Đinh Văn Mạnh	2011	6A5		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
13	Vũ Hoàng Nhật Long	2012	6A7	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)	Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
14	Nguyễn Thị Hậu	2011	7A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
15	Nguyễn Ngô Bảo Thi	2011	7A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
16	Bùi Đức Trí	2011	7A3		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
17	Vũ Thị Thanh Hiền	2011	7A3		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
18	Nguyễn Văn Hưng	2011	7A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
19	Nguyễn Công Toàn	2011	7A4	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
20	Vương Anh Duy	2011	7A5		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
21	Phạm Huy Hoàng	2011	7A5	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
22	Ngô Minh Hải	2011	7A6		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
23	Dương Doanh Doanh	2011	7A6		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	150.000	5	750.000	
24	Nguyễn Vũ Long	2010	8A1		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	150.000	5	750.000	
25	Vũ Việt Hoàng	2010	8A2	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
26	Nguyễn Thị Thu Hoài	2010	8A2	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
27	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2010	8A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
28	Bùi Lê Thảo Phương	2010	8A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
29	Nông Thị Kim Ngân	2010	8A4		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	150.000	5	750.000	

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
30	Bùi Xuân Trường	2010	8A4		Không có nguồn nuôi dưỡng (Điều 2 khoản d)	150.000	5	750.000	
31	Vũ Văn Xuân	2009	9A2	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
32	Nguyễn Đức Dương	2009	9A2		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
33	Dương Văn Long	2009	9A3	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
34	Đoàn Thị Lan	2009	9A4		Hộ Cận nghèo (Điều 2 khoản g)	150.000	5	750.000	
35	Vũ Thị Loan	2009	9A4	Khuyết tật (Điều 18 khoản 2)		150.000	5	750.000	
Tổng cộng : 35 Học sinh				9	26			26.250.000	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Tuyết Nhung

Ngày 15 tháng 03 năm 2023
 TRƯỜNG TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 TRƯỜNG HỌC CƠ SỞ
 PHƯỜNG HẠM
 HUYỆN NGUYỄN HỮU CƯỜNG
 TP. HỒ CHÍ MINH
 Trần Ngọc Hưng

Số : 27 /BC-THCSPN

Phương Nam, ngày 18 tháng 03 năm 2024

"V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai
danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ
chính sách học kì II năm học 2023 - 2024"

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Uông Bí.

Trường THCS Phương Nam báo cáo tình hình thực hiện công khai danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kì I năm học 2023 - 2024 theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của chính phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HDND ngày 16/07/2021 quy định chính sách trợ cấp giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Công văn số 241/PGDĐT ngày 04/03/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí hướng dẫn về việc Nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt danh sách học sinh hỗ trợ các chế độ chính sách học kỳ II năm học 2023 - 2024.

1. Nội dung công khai:

Danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ các chế độ chính sách học kì II năm học 2023 - 2024

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết ở bảng thông báo của nhà trường.
- Công khai trên trang Web của nhà trường.

3. Thời gian công khai:

- Từ ngày 18/03/2024 đến hết ngày 25/03/2024.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Ban giám hiệu
- Lưu VP.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Ngọc Hưng